

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/DS-ST

Ngày: 21- 3- 2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khải Hoàng.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Sơn Thanh Phong - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số: 29/2018/QĐST- DS ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn Th.

Địa chỉ: khu vực 6, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn Ng. Trú tại khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. (Văn bản ủy quyền lập ngày 27/02/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị U.

Địa chỉ: khu vực 6, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2017 và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn ông Phan Văn Th trình bày: ngày 03/5/2016 ông có cho bà Trần Thị U vay số tiền 400.000.000 đồng. Bà U có làm biên nhận nợ, thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 2%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng từ lúc vay cho đến nay bà U chưa trả vốn, lãi lẫn nào cho ông. Nay yêu cầu bà U có trách nhiệm trả cho ông 400.000.000 đồng tiền vốn và số tiền lãi tính từ ngày 03/5/2016 cho đến nay, theo mức lãi suất 1,125%/tháng, số tiền tính được là 67.500.000 đồng. Tổng cộng là 467.500.000 đồng.

Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn bà Trần Thị U đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà U không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà đại diện của nguyên đơn ông Bùi Văn Ng phát biểu thay đổi một phần so với yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể: ông Ng yêu cầu bà Trần Thị U có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn Th 400.000.000 đồng tiền vốn và trả số tiền lãi theo mức thỏa thuận trong biên nhận là 2%/tháng, tính từ ngày lập biên nhận ngày 03/5/2016 cho đến ngày khởi kiện ngày 21/7/2017. Bị đơn bà Trần Thị U vẫn vắng mặt nên không phát biểu yêu cầu.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà:

- Về tố tụng. Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên toà của Hội đồng xét xử tại phiên toà là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn bà Trần Thị U vắng mặt tại phiên toà không có lý do là thể hiện ý chí không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc nguyên đơn, bị đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là bà Trần Thị U hiện tại có nơi cư trú tại khu vực 6, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Bà Trần Thị U là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

[4]. Về số tiền vay gốc. Ông Phan Văn Th kiện cho rằng năm 2016 có cho bà Trần Thị U vay 400.000.000 đồng, hiện chưa trả. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa bà U chưa thể hiện ý kiến. Tòa xét thấy: ngày 03/5/2016 ông Th có

cho bà Trần Thị U vay 400.000.000 đồng. Việc này mặc dù từ lúc Tòa án thu thập chứng cứ cho đến nay bà U chưa thể hiện ý kiến là có nợ ông Th hay không. Tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ do ông Th cung cấp là tờ “Biên nhận”. Nội dung thể hiện: bà Trần Thị U có vay của ông Th 400.000.000 đồng, đủ cơ sở để Tòa xác định bà U có vay tiền của ông Th. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị U có trách nhiệm thanh toán 400.000.000 đồng tiền vốn vay cho ông Phan Văn Th.

[5]. Đối với số tiền vay lãi. Đại diện ông Phan Văn Th yêu cầu bà Trần Thị U trả số tiền 116.000.000 đồng (tính từ ngày 03/5/2016 đến ngày 21/7/2017 theo mức lãi suất 2%/tháng như yêu cầu tại phiên tòa). Bà U chưa ý kiến. Tòa xét thấy: khi vay, theo biên nhận bà U ghi lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên thỏa thuận lãi suất này là trái pháp luật, nên khi xét xử Tòa điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật như sau: theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất cơ bản trong thời điểm này là 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Theo quy định này các bên chỉ được thỏa thuận lãi tối đa là 1,125%/tháng. Cụ thể cách tính:

Vốn 400.000.000đ x lãi suất 1.125%/tháng x thời hạn 14,5 tháng = 65.250.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền vay vốn, lãi buộc bà Trần Thị U có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Văn Th là 465.250.000 đồng.

[6]. Về án phí. Căn cứ khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Trần Thị U chịu án phí theo mức giá ngạch trên toàn bộ giá trị số tiền bị buộc thanh toán. Buộc ông Phan Văn Th chịu mức án phí theo giá ngạch giá trị số tiền yêu cầu tính lãi không được chấp nhận.

[7]. Đối với phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thống nhất và chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Trần Thị U có trách nhiệm thanh toán cho ông Phan Văn Th 465.250.000đ (bốn trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm năm chục nghìn đồng) tiền vay.

2. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị U chịu 22.610.000đ (hai mươi hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Phan Văn Th chịu 2.537.500đ (hai triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển 11.350.000 đồng, tạm ứng án phí ông Th đã nộp theo biên lai thu số 0012415 ngày 04/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, thành án phí. Ông Phan Văn Th được nhận lại phần tiền tạm ứng án phí còn dôi ra sau khi khấu trừ án phí, nhận sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khải Hoàng; Bà Phạm Kim Ngọc

Võ Thái Sơn